

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-PT

Ngày: 11/08/2022

V/v: Tranh chấp quyền sử  
dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đình Phương

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Hiền

Ông Trần Hữu Viên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2022/QĐ-PT ngày 19/7/2022, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1950

Địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà (theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2021). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đình O – Văn phòng luật sư Nguyễn Đình O thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**\* Bị đơn:**

1. Ông Ngô M, sinh năm 1956.

2. Bà Thái Thị C, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà. Đều có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Ngô Thị Thanh Y, sinh năm 1992.

Bà Y ủy quyền cho bà Thái Thị C.

Cùng địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà. Có mặt.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Ngô M và bà Thái Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh X và bà Ngô Thị Thanh Y.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn ông Lê Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn H trình bày:** Năm 1999, ông Lê Văn T có nhận sang nhượng của ông Ngô M và bà Thái Thị C một thửa đất có diện tích 2.800 m<sup>2</sup> thuộc xã TS, huyện C với số vàng là 02 chỉ vàng 96%. Hai bên lập giấy viết tay đề ngày 08/02/1999. Thửa đất này là thửa đất số 268, tờ bản đồ số 14 (nay là thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43, diện tích 3110,8 m<sup>2</sup>) tọa lạc tại xã TS, huyện C.

Vào thời điểm sang nhượng, ông M, bà C chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó đến nay ông T sử dụng đất ổn định và đã trồng xoài, xây dựng hàng rào xung quanh thửa đất. Ông T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông M và bà C đưa sổ đỏ để ông làm thủ tục sang tên thửa đất, nhưng vợ chồng ông M và bà C viện nhiều lý do, không chịu hợp tác. Ông T đã nộp đơn đến Ủy ban nhân dân xã TS để nhờ giải quyết. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 17/9/2020, vợ chồng ông M và bà C cho rằng chỉ sang nhượng đất cho ông T với thời hạn theo Nghị định 64. Hiện nay, gia đình ông M, bà C không còn quyền gì đối với thửa đất này nữa.

Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn T và vợ chồng ông Ngô M, bà Thái Thị C có hiệu lực pháp lý, đồng thời công nhận cho ông Lê Văn T được quyền sử dụng đối với thửa đất số 268, tờ bản đồ số 14 (nay là thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43, diện tích 3110,8 m<sup>2</sup>).

**\* Bị đơn ông Ngô M trình bày:** Thửa đất số 268, tờ bản đồ số 14 (nay là thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43, diện tích 3110,8 m<sup>2</sup>), tọa lạc tại xã TS, huyện C là do Nhà nước cấp cho gia đình ông M theo Nghị định 64. Do đất xấu, canh tác không hiệu quả nên năm 1999 ông M đã sang nhượng cho ông Lê Văn T thửa đất trên với số vàng là 02 chỉ vàng 96% rồi sang nhượng lại đất ruộng để canh tác. Hai bên có lập giấy viết tay. Ông M chỉ sang nhượng cho ông T theo Nghị định 64 là thời hạn 20 năm. Vào năm 2013 ông M đã khiếu nại đề nghị Ủy ban nhân dân xã TS, huyện C giải quyết việc trồng xoài của ông Lê Văn T. Nay đã hết hạn sử dụng đất, ông M yêu cầu ông T trả lại đất cho gia đình ông.

**\* Bà Ngô Thị Thanh X là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Thái Thị C đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Năm 1998, gia đình bà X được Nhà nước cấp đất theo Nghị định 64/CP. Đó là thửa số 268, tờ bản đồ số 14 (nay là thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43, diện tích 3110,8 m<sup>2</sup>), tọa lạc tại xã TS, huyện C, là loại đất màu, thời hạn sử dụng đến tháng 7/2018. Sau khi được cấp đất, gia đình bà sử dụng đất không hiệu quả nên không tiếp tục canh tác, chuyển sang làm công việc khác, đất để trống, không cho thuê hoặc sang nhượng. Năm 2013, gia đình bà đến thửa đất này kiểm tra hiện trạng thì thấy đã trồng xoài trên đất. Sau khi tìm hiểu thì được biết vào năm 1999 ba của bà X là ông Ngô M đã tự ý sang nhượng thửa đất trên cho ông Lê Văn T với số vàng là 02 chỉ vàng 96% mà không thông qua ý kiến của các thành viên trong gia đình. Ông M cho biết chỉ sang nhượng đất cho ông T theo thời hạn Nghị định 64 là 20 năm. Ông M đã sử dụng số vàng sang nhượng đất vào mục đích cá nhân, các thành viên trong gia đình bà không ai biết số vàng này. Bà X yêu cầu ông T trả lại đất cho gia đình bà.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Thanh Y trình bày:** Trước đây bà Y không biết gia đình bà có thửa đất này. Đến năm 2013, bà Y cùng mẹ là bà Thái Thị C và chị gái là bà Ngô Thị Thanh X đến thăm đất thì thấy đã trồng xoài. Sau đó, ba bà Y là ông Ngô M cho biết đã sang nhượng đất cho ông Lê Văn T vào năm 1999 với số vàng là 02 chỉ vàng 96%, thời hạn theo Nghị định 64 là 20 năm. Ba bà tự ý sang nhượng đất mà không được sự đồng ý của thành viên trong gia đình, vì vậy bà Y yêu cầu ông T trả lại đất cho gia đình bà.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm b.3 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Văn T. Công nhận ông Lê Văn T được quyền sử dụng đối với thửa đất số 226, tờ bản đồ số 43 (Trước đây là thửa số 268, tờ bản đồ số 14), diện tích 3110,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hòa, có mảnh trích đo địa chính thửa đất kèm theo. Ông Lê Văn T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 25/01/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thanh X và bà Ngô Thị Thanh Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26/01/2022, bị đơn ông Ngô M và bà Thái Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trả lại đất cho bị đơn.

- Nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc cơ quan có thẩm quyền cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn vào năm 2012 và năm 2018 đối với thửa đất đã chuyển nhượng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên đề nghị Tòa xem xét theo quy định.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa phúc thẩm: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật không đúng theo yêu cầu khởi kiện. Căn cứ Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, công nhận hiệu lực của giấy sang nhượng ngày 08/02/1999 là có cơ sở. Đối với 02 giấy chứng nhận cấp đổi năm 2012 và năm 2018 cho bị đơn cần phải hủy thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xem xét vấn đề trên nên xác định thẩm quyền không đúng. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Ngày 21/01/2022, Tòa án nhân dân huyện C xét xử vụ án. Ngày 25/01/2022, ông Ngô M, bà Thái Thị C, Ngô Thị Thanh X, Ngô Thị Thanh Y kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên. Như vậy, đơn kháng cáo của các ông, bà nêu trên còn trong hạn luật định nên được xem xét theo quy định.

**[2] Về nội dung:** Nguồn gốc thửa đất 268, tờ bản đồ 14 (nay là thửa 226, tờ bản đồ 43), diện tích 3115m<sup>2</sup> tại xã TS được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho hộ ông Ngô M và bà Thái Thị C theo Nghị định 64/CP. Ngày 08/02/1999, ông Ngô M lập Giấy sang nhượng đất mì cho ông Lê Văn T. Ông M đã nhận đủ 02 chỉ vàng 96% và ông Lê Văn T đã được ông M nhận bàn giao đất canh tác ổn định cho đến nay. Tuy nhiên, sau khi chuyển nhượng nhiều lần ông T đã yêu cầu ông M, bà C thực hiện thủ tục sang tên thửa đất trên cho ông nhưng bị đơn đã cố tình không thực hiện nên ông đã khởi kiện ra tòa yêu cầu công nhận hợp đồng và quyền sử dụng thửa đất trên cho ông. Ông M và bà C cho rằng thời gian sang nhượng đất là 20 năm (đến năm 2018) đã hết nên ông T phải trả lại diện tích đất cho ông M.

### **[3] Hội đồng xét xử xét kháng cáo:**

*[3.1] Đối với Giấy sang nhượng đất mì ngày 08/02/1999 giữa ông Ngô M với ông Lê Văn T:*

- Theo ông Ngô M thừa nhận ông đã sang nhượng thửa đất 268, tờ bản đồ 14 (nay là thửa 226, tờ bản đồ 43), diện tích 3.115m<sup>2</sup> tại xã TS, huyện C và hai bên thừa nhận đã nhận đủ vàng và nhận bàn giao đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự trình bày và cùng với kết quả Tòa án tiến hành xác minh, xem xét thẩm định cho thấy ông Lê Văn T canh tác ổn định, trồng xoài trên đất và đã rào

toàn bộ khu đất từ khi ông nhận chuyển nhượng đến nay và phù hợp với quy hoạch. Như vậy, thực tế chuyển nhượng đã hoàn thành.

- Đối với ý kiến của bà Thái Thị C cho rằng đất của hộ nhưng chồng bà tự ý chuyển nhượng bà không biết nên giấy sang nhượng trên không có hiệu lực và yêu cầu hết thời hạn 20 năm theo Nghị định 64/CP nên ông T phải trả lại đất. Hội đồng xét xử thấy rằng năm 1999, bà C và ông M là vợ chồng cùng chung sống tại một địa chỉ, nghề nghiệp của hộ gia đình bà đang làm nông nên được cấp đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP. Tuy nhiên, kể từ khi ông M chuyển nhượng thửa đất nông nghiệp trên cho ông T hộ gia đình không còn nguồn thu nhập từ việc canh tác thửa đất trên trong thời gian dài nhưng bà C không ý kiến gì. Tại biên bản làm việc ngày 14/4/2013 của UBND xã TS, mặc dù bà C không ký vào biên bản nhưng phần ý kiến của bà C thừa nhận vợ chồng bà đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông T theo thời hạn Nghị định 64/CP, phần ý kiến này cũng được bà C thừa nhận tại Biên bản phiên tòa ngày 21/01/2021 (bl 91) tại Tòa án nhân dân huyện C. Như vậy, bản án sơ thẩm xác định việc ông M chuyển nhượng thửa đất trên bà C đã biết và đồng ý việc chuyển nhượng là có cơ sở.

- Đối với các thành viên trong hộ còn lại là con ruột của ông M và bà C: Tại thời điểm chuyển nhượng năm 1999, bà Ngô Thị Thanh X được 11 tuổi và bà Ngô Thị Thanh Y được 07 tuổi. Như vậy, các giao dịch của các thành viên trong hộ chưa thành niên do chủ hộ gia đình là người đại diện thực hiện. Do đó, bà X và bà Y cho rằng việc chuyển nhượng tại thời điểm năm 1999 không có ý kiến của các bà là không phù hợp với quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

Trên cơ sở phân tích trên, Bản án sơ thẩm căn cứ Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao công nhận hiệu lực của hợp đồng và công nhận ông Lê Văn T có quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên là có cơ sở.

*[3.2] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện C cấp đổi lần 1 cho hộ ông Ngô M và bà Thái Thị C số BH 475673, số vào sổ cấp GCN CH04328 ngày 22/8/2012 và cấp đổi lần 2 số CN 367299, số vào sổ cấp GCN CH10109 ngày 01/8/2018:*

Theo phân tích nêu trên, việc công nhận Giấy sang nhượng đất đề ngày 08/02/1999 giữa ông Ngô M với ông Lê Văn T có hiệu lực và công nhận quyền sử dụng đất cho ông T nhưng vẫn tồn tại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đổi sau khi đã chuyển nhượng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên cần phải xem xét hủy hai giấy chứng nhận nêu trên. Căn cứ Điều 32 Luật tố tụng hành chính và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và phải đưa UBND huyện C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

*[3.3] Xét quan hệ pháp luật:*

Theo đơn khởi kiện nộp đến tòa án ngày 06/01/2021 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”. Tuy

nhiên, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Như vậy, việc xác định quan hệ pháp luật chưa chính xác đối với nội dung đơn khởi kiện. Do đó, cần phải xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Như vậy, từ những vấn đề như nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không thể khắc phục được về thẩm quyền ở giai đoạn phúc thẩm nên hủy Bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại vụ án để đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

#### **Tuyên xử:**

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

#### **Về án phí:**

Hoàn lại cho ông Ngô M, bà Thái Thị C, bà Ngô Thị Thanh Y, bà Ngô Thị Thanh X mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0008989, AA/2021/0008990, AA/2021/0008991, AA/2021/0008992 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Đình Phương**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Đình Phương**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Hữu Viên**

**Bà Lê Thị Hiền**

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 16/2022/TLPT-DS ngày 16/3/2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:

**\* Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1950

Địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà (theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2021).

**\* Bị đơn:**

1. Ông Ngô M, sinh năm 1956.

2. Bà Thái Thị C, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 1988, địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà (theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2021).

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà.

2. Bà Ngô Thị Thanh Y, sinh năm 1992.

Địa chỉ: xã TS, huyện C, tỉnh Khánh Hoà.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 thống nhất áp dụng các điều luật sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

3. Về các vấn đề giải quyết vụ án: Biểu quyết 3/3 thống nhất:

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3.Các vấn đề khác: Biểu quyết 3/3 thống nhất những vấn đề sau:

Hoàn lại cho ông Ngô M, bà Thái Thị C, bà Ngô Thị Thanh Y, bà Ngô Thị Thanh X mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0008989, AA/2021/0008990, AA/2021/0008991, AA/2021/0008992 ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi .... giờ ..... cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**